Số: 4230846

	TF2800 - Thùng kín - Tôn đen	SMRM Ben tự trọng nặng - Trục Fuwa Ty Hyva
Giá niêm yết:	**356.300.000đ**	**585.000.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.445 x 1.830 x 2.630 mm	9.300 x 2.500 x 3.370 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.500 x 1.670 x 1.720 mm (10,1 m^3)	8.386 x 2.410 x 1.257 mm
Chiều dài cơ sở	2.880 mm	4.550 + 1.310 + 1.310 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.440/1.325 mm	
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	2.130 kg	8.900 kg
Khối lượng chở cho phép	1.990 kg	28.010 kg
Khối lượng toàn bộ	4.250 kg	36.910 kg
Số chỗ ngồi	2 chỗ	
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	D19TCIE3	
Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát khí nạp, làm mát bằng dung dịch, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)	
Dung tích xi lanh	1.910 cc	
Công suất cực đại/ tốc độ quay	116 / 3.600 Ps/(vòng/phút)	
Mô men xoắn/ tốc độ quay	285 / 1.600-2.600 N.m/(vòng/phút)	
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không	
Hộp số	5 số tiến, 1 số lùi	
Tỷ số truyền	ih1 = 5.595; ih2 = 2.848; ih3 = 1.691; ih4 = 1; ih5 = 0.794; iR = 5.347	
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Trước: Đĩa/ Sau:Tang trống, Dẫn động thủy lực trợ lực chân không, Có ABS	Locke 3 trục
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Gối thẳng Nhíp 9 lá (90×16 mm)
LỐP XE:		
Trước/Sau	185R15 (lốp không săm)	12.00R20 – 20PR (Lắp theo yêu cầu khách hàng)
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	44,8 %	
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6,15 m	
Tốc độ tối đa	115 km/h	
Dung tích thùng nhiên liệu	55 lít	
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trợ lực thủy lực	